

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3846/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Quyết định số 828/QĐ-TTPVHCC ngày 05/6/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường, ứng phó sự cố tràn dầu, Khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-SNNMT ngày 06/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 135/QĐ-SNNMT ngày 14/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng và tương đương thuộc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 260/QĐ-SNNMT ngày 02/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công nhiệm vụ giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Xét Văn bản số 64/CV-ĐV ngày 05/11/2024 của Công ty cổ phần Y khoa Đức Việt về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa Đức Việt” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 28/CV-ĐV ngày 06/6/2025 của Công ty cổ phần Y khoa Đức Việt;

Theo đề nghị của phòng Quản lý môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Y khoa Đức Việt, địa chỉ trụ sở chính tại tầng 21, tòa nhà văn phòng Intracom, số 33 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa Đức Việt”, địa điểm tại khu Đồng Vai - Đồng Đỏ, Ao Khoai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện đa khoa Đức Việt.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu Đồng Vai - Đồng Đỏ, Ao Khoai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0500578776, đăng ký lần đầu ngày 21/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11/10/2024 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0500578776.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được xây dựng tại khu đất có địa chỉ tại khu Đồng Vai - Đồng Đỏ, Ao Khoai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

- Quy mô: Xây dựng bệnh viện đa khoa với quy mô 350 giường bệnh đạt tiêu chuẩn bệnh viện đa khoa cấp tỉnh trên khu đất có diện tích 34.928,1 m², trong đó:

+ Diện tích đất quy hoạch bệnh viện: 30.143,9 m² (diện tích xây dựng công trình bệnh viện 27.742,9 m²; Diện tích xây dựng công trình hoàn trả tuyến đường 1.448 m²; Diện tích xen kẹt hành lang đường 953 m²).

+ Diện tích đất dịch vụ: 3.786 m².

+ Diện tích đất xen kẹt giữa Khu đất dịch vụ và chỉ giới đường đỏ tuyến đường Quốc lộ 21A cũ: 213,6 m².

+ Diện tích đất nằm trong chỉ giới mở đường Quốc lộ 21A cũ (phạm vi nghiên cứu mở rộng): 784,6 m².

(theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1021/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND Thành phố và Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của UBND huyện Chương Mỹ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500).

Chi tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo của dự án.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Y khoa Đức Việt:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Y khoa Đức Việt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả chất ô nhiễm, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Anh Quân;
- UBND huyện Chương Mỹ;
- Công ty cổ phần Y khoa Đức Việt;
- Cổng thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Lưu: VT, QLMT.

MHS: 33750 (H26.14-241107-0006).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Quân

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà, bác sĩ, y tá, nhân viên,... tại khu 1 của Bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà, bác sĩ, y tá, nhân viên,... tại khu 2 của Bệnh viện.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ căn tin, nhà ăn, nhà bếp tại khu 1 của Bệnh viện.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ căn tin, nhà ăn, nhà bếp tại khu 2 của Bệnh viện.
- Nguồn số 05: Nước rửa lọc RO.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 07: Nước thải giặt là.
- Nguồn số 08: Nước thải từ phòng mổ, phòng xét nghiệm, phòng thí nghiệm, hoạt động khám chữa bệnh,....
- Nguồn số 09: Nước thải chứa phóng xạ từ khoa y học hạt nhân phát sinh tại khu 2 của Bệnh viện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước khu vực, thuộc địa bàn thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

2.2. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung xả vào cống hoàn trả (2 m × 2 m) trước khi xả ra hệ thống thoát nước khu vực.

2.3. Vị trí xả nước thải: Cống hoàn trả (2 m × 2 m) thuộc địa bàn thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰', múi chiếu 3⁰): X = 2311569; Y = 560102.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 465 m³/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy ra cống hoàn trả ($2\text{ m} \times 2\text{ m}$), sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực, thuộc địa bàn thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, K = 1,0) và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
	QCVN 28:2010 (cột A, k = 1)			6 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ dự án đầu tư)
1	pH	-	6,5 - 8,5	
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	
3	COD	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,0	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6,0	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
12	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	
	QCVN 14:2008 (cột A, k = 1)			
1	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
2	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5,0	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải (nguồn số 01-06) gồm: Nước thải đen xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; Nước thải xám; Nước thải từ khu vực căn tin, nhà ăn, nhà bếp xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ; Nước rửa lọc RO; Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý

nước thải. Toàn bộ nước thải nêu trên được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 465 m³/ngày đêm.

- Nước thải giặt là (nguồn số 07) được thu gom và xử lý sơ bộ về 02 bể tiền xử lý nước thải giặt là đặt tại 02 khu của Bệnh viện, sau đó dẫn về Hệ thống xử lý tập trung công suất 465 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ phòng mổ, phòng xét nghiệm, phòng thí nghiệm, hoạt động khám chữa bệnh,... (nguồn số 08) được thu gom và xử lý sơ bộ về 02 bể tiền xử lý đặt tại 02 khu của Bệnh viện, sau đó dẫn về Hệ thống xử lý tập trung Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 465 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ khoa Y học hạt nhân (nguồn số 09) được thu gom về 01 bể xử lý nước nhiễm xạ đặt tại tầng hầm khu 2. Nước thải sau thời gian lưu chứa bán rã, đo kiểm đánh giá hoạt độ, nồng độ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn phóng xạ được dẫn về Hệ thống xử lý tập trung công suất 465 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể MBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

(Bể thiếu khí, Bể hiếu khí, Bể MBR, Bể khử trùng được thiết kế thành 02 module riêng).

- Công suất thiết kế: 465 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, Dinh dưỡng, NaHCO₃ (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ theo dõi và kiểm tra Hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải, không được xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu chứa. Trường hợp quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 465 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải:

Mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung phải được thu gom bằng hệ thống đường ống, qua tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là NaOH), sử dụng quạt hút, sau đó xả ra môi trường.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

4.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

4.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	1.215
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	1.850
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	30
4	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	910
5	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng khác	1.000
6	Các loại dầu mỡ thải bỏ	300
7	Pin, ắc quy thải	100
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu ở mã 160106, 160102) có các linh kiện điện tử (trừ các bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại) thải bỏ	150
9	Giẻ lau (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ) thải bỏ; vật liệu lọc (fill lọc từ tủ an toàn sinh học)	110
10	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	60
11	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	50

12	Bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải	2.734,2
13	Bùn thải từ bể tiền xử lý nước giặt là	259,2
14	Bùn thải từ bể tiền xử lý nước thải y tế (phòng xét nghiệm,...)	72
	Tổng	8.840,4

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh không chứa thành phần nguy hại khoảng 281.050 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 274 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa dung tích 24 lít, 240 lít.
- Xe đẩy tay dung tích 400 lít.
- Thùng lưu chứa ghi rõ nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu lưu chứa CTNH: 01 khu lưu chứa CTNH đặt tại khu 1, cạnh khu lưu giữ chất thải rắn thông thường, diện tích 29,44 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa có tường bao, nền chống thấm. Khu lưu giữ CTNH phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng,...). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa dung tích 20 lít, 30 lít, 120 lít, 240 lít.
- Xe đẩy tay dung tích 400 lít.

2.2.2. Khu lưu chứa chất thải rắn thông thường: 01 khu lưu chứa nằm trong khu lưu chứa chất thải rắn thông thường tập trung, diện tích 26,3 m².

2.2.3. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa dung tích 20 lít, 30 lít, 120 lít, 240 lít.
- Xe đẩy tay dung tích 400 lít.
- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.2. Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 01 khu lưu chứa nằm trong khu lưu chứa chất thải rắn thông thường tập trung, diện tích 26,3 m².

2.3.3. Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của thành phố Hà Nội.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT
ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

2. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; Các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

3. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của

Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Đồng thời, quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện bảo đảm các yêu cầu tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

5. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; Nước thải thi công phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

6. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 465 m³/ngày đêm đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy định hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

8. Bảo đảm an toàn bức xạ đối với thiết bị bức xạ; phòng đặt thiết bị bức xạ; vận hành thiết bị bức xạ; ứng phó sự cố bức xạ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

9. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

10. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

11. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

14. Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

15. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

16. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan./.